

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2019**

## **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Về kế hoạch cải cách hành chính**

Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã ban hành Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm 2019 của thị xã An Khê. Theo đó, xác định rõ mục tiêu, kết quả phải đạt trong năm; đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện CCHC theo từng lĩnh vực; phân công cụ thể trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian hoàn thành kế hoạch. Một số công việc được quan tâm, thực hiện thường xuyên như: Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC; Nâng cao chất lượng xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của thị xã theo quy định của pháp luật; Công khai thủ tục hành chính (TTHC) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của thị xã và UBND các xã, phường; nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

### **2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành**

Ngay từ đầu năm, UBND thị xã đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác CCHC toàn thị xã, xây dựng các chương trình, kế hoạch đảm bảo tiến độ thời gian quy định, trong đó chú trọng đến công tác thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công thị xã, góp phần giảm chi phí về thời gian, tăng cường tính công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, nâng cao Chỉ số CCHC của thị xã. Bên cạnh đó, nhằm tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg, ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và chủ đề năm 2019 của UBND tỉnh Gia Lai “siết chặt kỷ cương hành chính, đẩy mạnh trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao chất lượng tham mưu, phối hợp của các cấp, các ngành”, UBND thị xã đã ban hành văn bản số 162/UBND-NV ngày 22/02/2019 về việc chấn chỉnh thực hiện kỷ cương hành chính, thời gian làm việc, trang phục, tác phong và thái độ phục vụ của CBCCVV.

### **3. Về kiểm tra cải cách hành chính**

Thực hiện theo nội dung kế hoạch CCHC năm 2019 của thị xã, UBND thị xã tiến hành xây dựng kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2019 trên địa bàn thị xã nhằm phát hiện và từng bước khắc phục những thiếu sót trong thái độ giao tiếp, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu, đề xuất thực hiện nhiệm vụ do UBND thị xã giao.

### **4. Về công tác tuyên truyền**

Thực hiện Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC năm 2019 của tỉnh Gia Lai; UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 28/12/2018 về Tuyên truyền công tác CCHC năm 2019 của thị xã An Khê. Bên cạnh đó, đã chỉ đạo các cơ quan đơn vị, UBND các xã, phường tăng cường tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 của Chính phủ, của tỉnh, thị xã; Các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh; công tác kiểm tra, tự kiểm tra, giám sát trong ban hành văn bản QPPL.

Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã thực hiện xây dựng kế hoạch tuyên truyền trên sóng PT-FM, cụ thể: mỗi tháng 1 chuyên mục “Tìm hiểu pháp luật” và mỗi quý 01 chuyên mục “CCHC”; trên sóng truyền hình: mỗi tháng thực hiện 01 chuyên mục “Tìm hiểu pháp luật” với thời lượng 3 -5 phút, 2 lượt phát sóng. Đồng thời, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin; các cơ quan đơn vị thuộc thị xã, UBND các xã phường xây dựng kế hoạch tuyên truyền bằng pa nô, áp phích, tờ gấp, tờ rơi về công tác CCHC.

Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2019, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã đã phát sóng: Chuyên mục phát thanh 06 chuyên mục “Tìm hiểu pháp luật”, 02 chuyên mục “CCHC”; Chuyên mục truyền hình: 06 chuyên mục “Tìm hiểu pháp luật”; Tin, bài: 25 tin, bài Phát thanh – truyền hình; 30 lượt văn bản pháp luật.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại địa phương**

#### *1.1. Theo dõi thi hành pháp luật:*

Thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Thông tư số 14/2014/TT-BTP và các văn bản hướng dẫn, UBND thị xã đã ban hành kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2019 về theo dõi thi hành pháp luật và quản lý công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thị xã An Khê năm 2019; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 07/01/2019 về triển khai công tác văn bản QPPL năm 2019.

Đồng thời, triển khai các văn bản QPPL có hiệu lực thi hành năm 2019 như: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 07/5/2019); Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản liên quan (Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 13/3/2019).

#### *1.2. Xử lý văn bản QPPL sau rà soát, hệ thống hóa:*

Theo kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 26/01/2018, UBND thị xã đã chỉ đạo Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan chuyên môn thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL định kỳ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018 do HĐND, UBND thị xã ban hành; thực hiện báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL thị xã (Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 07/02/2019) và công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL do HĐND, UBND thị xã ban hành (Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 07/01/2019); thực hiện bãi bỏ văn bản QPPL do UBND thị xã An Khê ban hành (Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 28/3/2019).

### **2. Cải cách thủ tục hành chính**

#### *2.1. Rà soát, đánh giá TTHC*

UBND thị xã ban hành Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 về việc ban hành kế hoạch công tác kiểm soát TTHC năm 2019 để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường triển khai thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát TTHC.

Đồng thời, chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND thị xã hướng dẫn các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường lựa chọn, đăng ký nội dung rà soát, đánh giá TTHC hoặc nhóm TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương để đăng ký rà soát, đánh giá. Qua rà soát, các thủ tục, nhóm TTHC đang áp dụng trên địa bàn thị xã đều đảm bảo theo quy định. Do đó, UBND thị xã không đăng ký rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thị xã và các xã, phường trên địa bàn và có văn bản báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

## 2.2. Công khai TTHC

Đến nay, 335 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và 243 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đã được niêm yết công khai đầy đủ trên bảng niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC, công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã, các xã, phường. Đồng thời, công khai trên Cổng thông tin điện tử thị xã đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thị xã.

Công khai đầy đủ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích và danh mục không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã.

2.3. TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông: (thể hiện tại phụ lục chi tiết kèm theo)

2.4. Thực hiện chính sách, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường

- Thực hiện chế độ phụ cấp, đồng phục, đeo thẻ đối với công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả theo Khoản 2, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP:

Từ ngày 15/10/2018, thực hiện Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND thị xã về việc thành lập Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã, hiện nay các Phòng chuyên môn và các cơ quan liên quan đã cử công chức đến làm việc (Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý Đô thị, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh thị xã An Khê, Chi cục thuế thị xã, Công an thị xã, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thị xã và Văn phòng HĐND và UBND thị xã); đối với hồ sơ ít phát sinh, công chức Văn phòng HĐND và UBND thị xã tiếp nhận hồ sơ; đồng thời, Bưu điện thị xã cử nhân viên đến trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã để thực hiện dịch vụ Bưu chính công ích.

Công chức trực tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã được hỗ trợ 350.000đ/tháng, đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh. Các công chức trực tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thực hiện nghiêm túc việc đeo thẻ công chức khi làm việc.

- Trang thiết bị của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả:

Hiện nay, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường được trang bị đầy đủ trang thiết bị, đáp ứng nhu cầu làm việc theo quy định tại Nghị định số

61/2018/NĐ-CP, cụ thể: đã bố trí khu vực công khai TTHC; khu vực công dân ngồi chờ và có đầy đủ ghế ngồi, bàn viết hồ sơ; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với từng lĩnh vực khác nhau; khu vực cung cấp dịch vụ bưu chính công ích; lắp đặt camera theo dõi toàn bộ khu vực làm việc của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả; 100% TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã được đưa vào xử lý trên phần mềm một cửa điện tử.

Các trang thiết bị (*máy lấy số xếp hàng tự động, các màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu thông tin, thủ tục hành chính, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính*) hiện nay bị hư hỏng, UBND thị xã đang liên hệ với các đơn vị cung ứng thiết bị để sửa chữa, khắc phục.

*2.5. Thực hiện các biểu mẫu theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường*

UBND thị xã triển khai thực hiện đúng các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (*hoặc phần mềm theo dõi*) theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND thị xã quán triệt đến công chức, viên chức trực tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường nghiêm túc thực hiện các biểu mẫu quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Hiện nay, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường quản lý hồ sơ thông qua Hệ thống Một cửa điện tử và Sổ theo dõi hồ sơ. Việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã được thực hiện đúng các thành phần hồ sơ như TTHC đã được niêm yết, công khai.

*2.6. Thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường*

Trong 6 tháng đầu năm 2019, thị xã có 86 hồ sơ trễ hạn trên hệ thống (thuộc lĩnh vực đất đai của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã), 86 hồ sơ có thư xin lỗi gửi đến công dân.

*2.7. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND thị xã, UBND các xã, phường trong việc triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông*

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, UBND thị xã ban hành Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 về việc ban hành Quy chế hoạt động Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã. Đồng thời, ban hành văn bản số 457/UBND-VP về việc triển khai thực hiện Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính

UBND thị xã thực hiện công khai đầy đủ các chuẩn mực, các quy định hành chính, công bố phí, lệ phí tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã<sup>1</sup>; công khai số điện thoại

<sup>1</sup> Nghị quyết số 51/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp phép xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Gia Lai và Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

đường dây nóng của Bí thư Thị ủy, Chủ tịch UBND thị xã và người đứng đầu Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thị xã.

2.8. Việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thị xã, UBND cấp xã được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 24/4/2018.

Ngày 10/5/2019, UBND thị xã tiếp tục ban hành Thông báo số 53/TB-UBND về việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn thị xã An Khê. Trong 6 tháng đầu năm 2019, không có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước**

#### **3.1. Vị trí việc làm**

Sau khi có Quyết định hợp nhất của UBND tỉnh, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã và Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao thị xã xây dựng Đề án vị trí việc làm của đơn vị trình Sở Nội vụ tỉnh thẩm định theo quy định.

#### **3.2. Sắp xếp tổ chức bộ máy**

Thực hiện báo cáo kết quả sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thị xã theo Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương gửi Sở Nội vụ tỉnh tổng hợp và hướng dẫn. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã An Khê; Quy chế hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã An Khê. Xây dựng kế hoạch biên chế năm 2020 gắn với sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, tinh giản vị trí việc làm và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVN của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thị xã trình Sở Nội vụ thẩm định theo quy định.

#### **3.3. Giao biên chế**

Ban hành Quyết định về việc giao số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, Thư viện, Đài Truyền thanh – Truyền hình thị xã; Quyết định về việc giao số lượng người làm việc tại Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã sau khi hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông và Bộ phận sự nghiệp Khuyến công (Phòng Kinh tế) thị xã; Quyết định về việc điều chỉnh (tăng, giảm) chỉ tiêu số lượng người làm việc các đơn vị trường học năm học 2018-2019. Quyết định về việc phân bổ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính thuộc thị xã năm 2019.

#### **3.4. Tinh giản biên chế**

UBND thị xã đề nghị 13 trường hợp thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, kết quả: có 12 trường hợp (nghỉ hưu trước tuổi hưởng hưu trí theo quy định: 01 người, nghỉ hưu trước tuổi hưởng trợ cấp: 08 người, thôi việc ngay: 03 người) đề nghị tinh giản được UBND tỉnh phê duyệt (đợt I/2019).

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

##### *4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức*

Công tác quản lý đội ngũ CBCCVC của thị xã được thực hiện theo quy định của Luật CBCC, Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công tác bổ nhiệm, khen thưởng được quan tâm và chỉ đạo thực hiện; đồng thời các chế độ chính sách đối với CBCCVC thị xã được thực hiện kịp thời và đúng các quy định của Nhà nước. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Chủ tịch UBND thị xã ban hành 07 quyết định bổ nhiệm (Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã, Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; 02 Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao; 01 Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, 01 Hiệu trưởng); 01 Quyết định điều động và bổ nhiệm viên chức (Phó Hiệu trưởng); 01 quyết định bổ nhiệm lại viên chức (Phó Hiệu trưởng). Đối với cấp xã, đã ban hành 05 Quyết định phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, kết quả bầu cử bổ sung Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã, Quyết định điều động, giao quyền Chủ tịch UBND cấp xã.

UBND thị xã đã xây dựng Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 30/01/2019 chuyển đổi vị trí công tác năm 2019 đối với CCVC các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thị xã và công chức cấp xã theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

##### *4.2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*

Để công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2019 của thị xã được thực hiện hiệu quả, đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Sở Nội vụ và kế hoạch, chỉ tiêu, kinh phí được UBND tỉnh giao theo văn bản số 127/SNV-CCVC ngày 24/01/2019 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019; UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2019. Đồng thời, trong 6 tháng đầu năm 2019, đã cử CBCC tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn: bồi dưỡng kiến thức Quản lý hành chính nhà nước ngạch chuyên viên chính: 01 người, ngạch chuyên viên: 02 người; bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên: 01 người; bồi dưỡng chức danh Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã: 07 người; bồi dưỡng chức danh Văn phòng - Thống kê, Văn hóa - Xã hội, Tài chính – Kế toán, Địa chính – Xây dựng: 15 người; tập huấn Chính trị viên phó, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: 08 người.

#### **5. Cải cách tài chính công**

Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Thông tư Liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, các đơn vị thực hiện tự chủ về kinh phí đã sử dụng kinh phí đảm bảo nhu cầu chi tiêu về quản lý hành chính và tăng thu nhập cho CBCCVC; tăng cường tính tự chủ và công khai minh bạch trong sử dụng kinh phí, tạo sự đồng thuận cao trong đơn vị. Hiện nay, 100% cơ quan hành chính thuộc thị xã đã thực hiện cơ chế tự chủ; 100% cơ quan ban hành cơ chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công (18 cơ quan).

Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính Phủ; hiện nay 100% các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thị xã đã thực hiện cơ chế tự chủ.

Nhìn chung, các phòng ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, phường đã từng bước nâng cao ý thức tiết kiệm và tạo động lực cho cán bộ, công chức an tâm công tác, công khai, minh bạch quy chế chi tiêu nội bộ của từng đơn vị; thực hiện công khai tài chính và chế độ báo cáo theo quy định.

## **6. Hiện đại hóa nền hành chính Nhà nước**

Ngày 15/11/2018, UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2019; với mục tiêu xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, đáp ứng nhu cầu phát triển, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi trên nhiều phương tiện khác nhau.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Công tác CCHC gắn với việc công khai, minh bạch các biểu mẫu, thủ tục hồ sơ, phí, lệ phí, thời gian giải quyết hồ sơ, quy trình giải quyết công việc hành chính theo yêu cầu của tổ chức và công dân theo hướng đơn giản, rút ngắn thời gian; trách nhiệm cá nhân của từng công chức, viên chức được nâng lên, mức độ hài lòng của người dân được cải thiện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được quan tâm, đầu tư; các cơ quan, đơn vị có TTHC thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có sự nỗ lực cố gắng trong giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, việc giải quyết hồ sơ vẫn còn tình trạng trễ hẹn (chủ yếu ở lĩnh vực đất đai).

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thị xã An Khê. Tiếp nhận, xử lý thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về những vụ việc cụ thể trong quá trình thực hiện pháp luật, để từ đó gắn công tác xây dựng pháp luật với công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Tiếp tục rà soát, thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thị xã tập trung về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị xã.

3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC; nâng cao chất lượng ứng dụng, kỹ năng sử dụng Hệ thống một cửa điện tử thị xã; hạn chế tình trạng hồ sơ trễ hẹn trên hệ thống và hồ sơ thực tế.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị xã, UBND các xã, phường thường xuyên cập nhật, niêm yết đầy đủ các TTHC đã được công bố theo quy định và công khai trên Cổng thông tin điện tử thị xã.

5. Thẩm định hồ sơ quy hoạch bổ sung chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các đơn vị trường học; phê duyệt danh sách CCVC đủ điều kiện thực hiện chuyển đổi vị trí công tác năm 2019 theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP, Nghị định số 150/2013/NĐ-CP.

6. Tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2019 trực tiếp tại UBND 11 xã, phường theo Kế hoạch số 749/KH-UBND ngày 28/3/2019 của UBND thị xã.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ bằng nhiều hình thức; siết chặt kỷ cương hành chính, đẩy mạnh trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao chất lượng tham mưu, phối hợp của các cấp, các ngành; chất lượng giải quyết công việc cho cá nhân tổ chức.

8. Tiếp tục chỉ đạo cải cách mạnh mẽ tài chính công, thực hiện tốt các cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, tăng tính công khai, minh bạch tạo chủ động và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

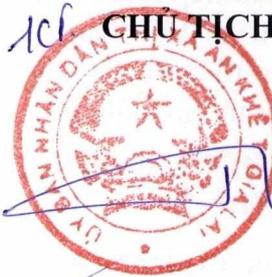
9. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật của Trung ương, của tỉnh, các văn bản về công tác CCHC nhà nước nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận của nhân dân trong quá trình triển khai, thực hiện. Tăng cường ứng dụng chữ ký số, chứng thư số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2019 và phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới của thị xã, UBND thị xã báo cáo Sở Nội vụ tỉnh theo quy định. /pla

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- TT Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NV. ml

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Nguyên

PHỤ LỤC

Báo cáo kết quả thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ quá hạn giải quyết của thị xã An Khê  
 Kỳ báo cáo: 6 tháng, năm 2019 (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 05 tháng 06 năm 2019)  
 (Kèm theo báo cáo số: 216/BC-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của UBND thị xã)



TT	Lĩnh vực/TTTC	Số hồ sơ tiếp nhận trong quý (hoặc 6 tháng/năm)		Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết		Lấy kế hồ sơ giải quyết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo		Ghi chú																				
		Trong đó	Trong đó	Trong đó	Trong đó	Trong đó	Trong đó																					
1	2	3=4+5 3=6+14	4	5	6=7+8	7	8	9	10	11	12	13	14	15=16+17	16	17	18	19	20	21	22	23	24= 25+26+27	25	26	27	28	
TỔNG SỐ (A+B)		19.057	0	19.057	18.329	18.243	86	0	0	0	77	2	0	459	404	55	0	0	0	0	0	0	0	19.230	18.684	86	459	86
THỊ XÃ		5.690	0	5.690	5.243	5.157	86	0	0	0	77	2	0	447	392	55	0	0	0	0	0	0	0	5.862	5.329	86	447	86
1	Lĩnh vực Quản lý đô thị	293	0	293	293	293	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	293	293	0	0	0
2	Lĩnh vực Tư pháp	238	0	238	238	238	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	403	403	0	0	0
a)	Hồ tịch	32	0	32	32	32	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	81	81	0	0	0
b)	Chứng thực	206	0	206	206	206	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	322	322	0	0	0
3	Lĩnh vực đăng ký kinh doanh	178	0	178	178	178	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	178	178	0	0	0
4	Lĩnh vực Môi trường, đất đai	234	0	234	128	128	0	0	0	0	0	0	0	106	106	0	0	0	0	0	0	0	0	234	128	0	106	0
5	Lĩnh vực Chi nhánh YP ĐKPD	3581	0	3581	3240	3154	86	0	0	0	77	2	0	341	286	55	0	0	0	0	0	0	0	3581	3154	86	341	86
5.1	Lĩnh vực Giao dịch bảo đảm	1534	0	1534	1534	1534	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1534	1534	0	0	0
5.2	Lĩnh vực Môi trường, đất đai	2047	0	2047	1706	1620	86	0	0	0	77	2	0	341	286	55	0	0	0	0	0	0	0	2047	1620	86	341	86
a)	Cấp giấy chứng nhận lần đầu	135	0	135	76	67	9	0	0	0	0	0	0	59	57	2	0	0	0	0	0	0	0	135	67	9	59	9

Số hồ sơ giải quyết trong quý (hoặc 6 tháng/năm)

Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết

Lấy kế hồ sơ giải quyết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo

Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua

Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng

Tổng số Giải quyết đúng hạn

Giải quyết quá hạn

Lý do

Đơn vị/á nhân chịu trách nhiệm chính

Đơn vị/á nhân chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

Tổng số Đang trong hạn giải quyết

Quá hạn giải quyết

Lý do

Đơn vị chịu trách nhiệm chính

Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan

Văn bản xin lỗi trên 1 hồ sơ TTTC

Số lần xin lỗi hình thức xử lý

TT	Lĩnh vực/TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong quý (hoặc 6 tháng/năm)										Số hồ sơ giải quyết trong quý (hoặc 6 tháng/năm)										Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết										Lấy kế hồ sơ giải quyết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo										Chỉ chú
		Trong đó					Trong đó					Trong đó					Trong đó					Trong đó																				
		Tổng số	Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong 6 tháng	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị chịu trách nhiệm chính	Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần xin lỗi trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Đang trong giải đoạn	Tổng số văn bản xin lỗi															
1	2	$3=4+5$ $3=6+14$	4	5	$6=7+8$	7	8	9	10	11	12	13	14	$15=16+17$	16	17	18	19	20	21	22	23	$24=25+26+27$	25	26	27	28															
b)	Cấp đổi, cấp lại, bổ sung nhà	162	0	162	134	116	18	Do chuyên viên thu lý và bộ phận in giấy chứng nhận giải quyết không kịp thời			18	1	Kiểm điểm, nhắc nhở trước tập thể cơ quan	28	28	0				0	0		162	116	18	28	18															
c)	Chuyên nhượng, tăng cho, thuê kế và đăng ký biến động	1750	0	1750	1496	1437	59	Do chuyên viên thu lý và bộ phận in giấy chứng nhận giải quyết không kịp thời	Phòng Nội vụ		59	1	Kiểm điểm, nhắc nhở trước tập thể cơ quan	254	201	53	Công dân chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính và bổ sung hồ sơ	Công dân		0	0		1750	1437	59	254	59															
6	Lĩnh vực Thi đua, Khen thưởng	864	0	864	864	864	0		Phòng Nội vụ		0	0		0	0	0				0	0		864	864	0	0	0															
6.1	Giấy khen	518	0	518	518	518	0		Phòng Nội vụ		0	0		0	0	0				0	0		518	518	0	0	0															
6.2	Danh hiệu (Chiến sĩ TĐCS, LĐTT, TTLĐTT)	346	0	346	346	346	0		Phòng Nội vụ		0	0		0	0	0				0	0		346	346	0	0	0															
7	Lĩnh vực Văn hóa	32	0	32	32	32	0	0	Phòng VH TT		0	0		0	0	0				0	0		32	32	0	0	0															
8	Lĩnh vực An toàn vệ sinh thực phẩm (Thu tục kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm)	6	0	6	6	6	0		Phòng Y tế		0	0		0	0	0				0	0		6	6	0	0	0															
9	Lĩnh vực GD-ĐT	16	0	16	16	16	0	0			0	0		0	0	0				0	0		16	16	0	0	0															
a)	Đăng ký dự thi	2		2	2	2																	2	2																		
b)	Thành lập nhóm Mầm non tư thục	1		1	1	1			Phòng Giáo dục và Đào tạo														1	1																		
c)	Cấp lại bản sao bằng TN TTCS, chính sách bằng	3		3	3	3																	3	3																		
e)	Thủ tục chuyển nhượng	10		10	10	10																	10	10																		

báo theo số liệu thực tế đơn vị

TT	Linh vực/TTHC	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong quý (hoặc 6 tháng/năm)				Số hồ sơ giải quyết trong quý (hoặc 6 tháng/năm)													Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết				Lưu kế hồ sơ giải quyết từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Chỉ chú		
		Trong đó		Số hồ sơ chưa giải quyết từ quý trước chuyển qua	Trong đó		Trong đó													Trong đó									
		Tổng số	Số hồ sơ quyết từ quý trước		Tổng số	Số hồ sơ quyết mới trong 6 tháng	Tổng số	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Giải quyết quá hạn	Lý do	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính	Đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số	Đang trong hạn giải quyết	Quá hạn giải quyết	Lý do	Đơn vị chịu trách nhiệm chính	Đơn vị chịu trách nhiệm liên quan	Văn bản xin lỗi	Số lần trên 1 hồ sơ TTHC	Hình thức xử lý	Tổng số		Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn
1	2	3 = 4 + 5 3 = 6 + 14	4	5	6 = 7 + 8	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 16 + 17	16	17	18	19	20	21	22	23	24 = 25 + 26 + 27	25	26	27	28		
10	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	248	0	248	248	248	0				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	248	248	0	0	0	0	
a)	Trợ cấp hàng tháng	101	0	101	101	101	0																101	101	0	0	0	0	
b)	Chiếm dứt trợ cấp	76	0	76	76	76	0																76	76	0	0	0	0	
c)	Mãi tang phí	49	0	49	49	49	0																49	49	0	0	0	8	
d)	Điều chỉnh trợ cấp	22	0	22	22	22	0																22	22	0	0	0	0	
B	XÃ, PHƯỜNG	13.367	0	13.367	13.086	13.086	0	0	0	0	0	0	0	12	12	0	0	0	0	0	0	0	13.368	13.355	0	12	0		
1	An phủ	4.759	0	4.759	4.759	4.759	0																4.759	4.759	0	0	0		
2	An Tân	1271	0	1271	1270	1270	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1271	1270	0	1	0	0	
3	Tây Sơn	2055	0	2055	2055	2055	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2055	2055	0	0	0	0	
4	Ngo Mỹ	470	0	470	201	201	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	470	470	0	0	0	0	
5	An Bình	1307		1307	1297	1297	0	0	0	0	0	0	0	10	10	0	0	0	0	0	0	0	1308	1297	0	10	0	0	
6	An Phước	214	0	214	214	214	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	214	214	0	0	0	0	
7	Cần An	342	0	342	342	342	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	342	342	0	0	0	0	
8	Tu An	155	0	155	155	155	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	155	155	0	0	0	0	
9	Xuân An	882	0	882	881	881	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	882	881	0	1	0	0	
10	Sông An	1657	0	1657	1657	1657	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1657	1657	0	0	0	0	
11	Thanh An	255	0	255	255	255	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	255	255	0	0	0	0	